TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/DS-ST
Ngày 02/4/2026
V/v "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng - thế chấp tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hoàng Nam**;
2. Ông **Trương Thanh Tuấn**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Thanh Nhã** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thuý An**- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng – thế chấp tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***: Ngân hàng N1**.

Trụ sở chính: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Dương Trần Nhật L**- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh B; Địa chỉ: Ấp B, xã L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Trịnh Hoàng G** – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh B; Địa chỉ: Ấp B, xã L, tỉnh An Giang.

(Ông G có mặt)

2. *Bị đơn***:** Bà **Võ Thị Ngọc H,** sinh năm 2004

Nơi cư trú: Ấp X, xã L, tỉnh An Giang.

(Bà H vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Hoàng G đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N1 (Viết tắt: Ngân hàng) trình bày: Ngày 23/01/2024 Ngân hàng N1 – Chi nhánh B có ký hợp đồng tín dụng với bà Võ Thị Ngọc H cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202400096 ngày 23/01/2024;

Số tiền vay: 600.000.000đ;

Ngày vay: 23/01/2024 – Hạn trả: 18/01/2025

Thời hạn vay: 12 tháng.

Hình thức thanh toán: Trả lãi 03 tháng/ lần, trả gốc vào cuối kỳ.

Lãi suất: Trong hạn tại thời điểm vay là: 10.5%/năm; Điều chỉnh lãi suất từ ngày 26/3/2024 đến nay là 10%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Mục đích vay tiền: sửa nhà, xây nhà mới.

Hợp đồng nêu trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với bà H và đã được Văn phòng C chứng nhận ngày 23/01/2024, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 079275, số vào sổ cấp GCN: CS 187282 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 15/12/2021, diện tích 202m^2, thuộc thửa số 2104, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng: sử dụng riêng; toạ lạc tại ấp X, xã G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh An Giang) do ông Âu Văn V1 đứng tên và biến động sang tên bà Võ Thị Ngọc H ngày 12/01/2024.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 166557, số vào sổ cấp GCN: CS 238744 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 12/5/2023, diện tích 101m^2, thuộc thửa số 2279, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng: sử dụng riêng; toạ lạc tại ấp X, xã G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh An Giang) do ông Phạm L1, bà Võ Thị Ngọc H đứng tên và biến động sang tên bà Võ Thị Ngọc H ngày 12/01/2024.

Trong quá trình vay vốn, bà H chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi đến ngày 22/7/2024 là 30.435.618 đồng thì vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng khi đến hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở. Mặc dù Ngân hàng đã tạo mọi điều kiện để bà H có thời gian trả nợ nhưng

đến nay vẫn không cải thiện được tình hình, để nợ quá hạn kéo dài không thanh toán từ đó làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Trịnh Hoàng G là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng N1 yêu cầu: Toà án buộc bà Võ Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 600.000.000đ; Tiền lãi trong hạn tính đến ngày 02/4/2026 là 131.013.699đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 02/4/2026 là 35.917.808đ. Tổng cộng gốc và lãi là 738.801.651 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp bà H không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thoả thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 để ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng.

- *Bị đơn bà Võ Thị Ngọc H trình bày biên bản ghi lời khai ngày 05/02/2026 như sau:* Thống nhất theo lời trình bày của Ngân hàng N1 về khoản vay cũng như tài sản thế chấp để đảm bảo hợp đồng vay. Bà H thừa nhận vào ngày 23/01/2024 bà có vay vốn tại Ngân hàng cụ thể như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202400096 ngày 23/01/2024; Số tiền vay: 600.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng.

Để đảm bảo hợp đồng vay bà có thế chấp 02 tài sản thế chấp do bà đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với bà và hiện nay tài sản này vẫn do bà quản lý không có cầm cố hoặc sang bán cho người khác.

Trong quá trình vay vốn bà chỉ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng đến ngày 22/7/2024 thì ngưng do làm ăn khó khăn nên không có khả năng để thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho N hành như thỏa thuận và hiện nay bà còn nợ tiền gốc là 600.000.000đ còn tiền lãi tính từ ngàu 23/7/2024 cho đến nay và bà xin gia hạn đến tháng 03 năm 2026 sẽ thanh toán dứt nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nếu đến hạn mà bà không thanh toán thì bà đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho cơ quan pháp luật kê biên phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 ; Điều 91 và Điều 95 đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

1.1. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H thanh toán số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202400096 ngày 23/01/2024, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, xã L, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25/6/2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

1.2. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng N1 cho bà H vay tổng số tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và bà H có thế chấp cho Ngân hàng tài sản là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 để đảm bảo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202400096 ngày 23/01/2024 nên đây là tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng – thế chấp tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên toà nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng: Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng N1 cung cấp bà H có vay vốn tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh bến nhứt Kiên

Giang II theo Hợp đồng tín dụng số 7714LAV202400096 ngày 23/01/2024, với tổng số tiền dư nợ gốc tính đến ngày 02/4/2026 là 600.000.000đ.

Các hợp đồng tín dụng này đã tuân thủ quy định pháp luật về nội dung và hình thức và đã thực hiện, nên phát sinh hiệu lực. Số tiền vay gốc đã được Ngân hàng giải ngân có ký nhận nợ của bà H trên "Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ". Mặc dù hợp đồng tín dụng cũng như các phụ lục kèm theo không được công chứng/chứng thực (không bắt buộc), nhưng đi kèm theo Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên có giá trị chứng minh việc vay tiền nói trên là có thật. Qúa trình giải quyết, bị đơn bà H cũng thừa nhận và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng không có khả năng trả nợ để nghị Toà án xem xét theo quy định pháp luật.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Như vậy, dựa vào Bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/4/2026, gồm:

+ Nợ gốc: 600.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 131.013.699 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 35.917.808 đồng;

Tổng cộng: 738.801.651 đồng.

Do bà H vi phạm nội dung cam kết tại khoản 2 Điều 6 của các Hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H phải có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi chưa thanh toán như trên là có cơ sở.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp: Giữa Ngân hàng N1 - Chi nhánh bến nhứt K với bà H có ký kết các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 gồm các tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 079275, số vào sổ cấp GCN: CS 187282 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 15/12/2021, diện tích 202m^2, thuộc thửa số 2104, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng: sử dụng riêng; toạ lạc tại ấp X, xã G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh An Giang)

do ông Âu Văn V1 đứng tên và biến động sang tên bà Võ Thị Ngọc H ngày 12/01/2024.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 166557, số vào sổ cấp GCN: CS 238744 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 12/5/2023, diện tích 101m^2, thuộc thửa số 2279, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng: sử dụng riêng; toạ lạc tại ấp X, xã G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh An Giang) do ông Phạm L1, bà Võ Thị Ngọc H đứng tên và biến động sang tên bà Võ Thị Ngọc H ngày 12/01/2024.

Xét về hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền nên có hiệu lực. Tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp có nội dung xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B (tức bên thế chấp tài sản) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Vì vậy, trường hợp nếu bị đơn không trả được nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Qua xem xét thẩm định thực tế tài sản thế chấp (theo biên bản lập ngày 27/02/2026) thì tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng và không có phát sinh tranh chấp người thứ 3 nên căn cứ vào điều khoản trong hợp đồng thế chấp và căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 322, 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, nếu bà H không trả được khoản nợ thì phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đồng thời nguyên đơn có quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H để thu hồi nợ và vấn đề này cũng được các bên tự nguyện thoả thuận theo khoản 3 Điều 2 của các các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 và Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà H phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền tranh

chấp là 738.801.651 đồng = 20.000.000đ + (4% x 338.801.651đ) = 33.552.066đ (Ba mươi ba triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngân hàng N1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.910.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25/6/2025

- Các Điều 117, Điều 280, Điều 299, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 500 của Bộ luật Dân sự 2015

- Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điều 3 ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng – thế chấp tài sản với bị đơn bà Võ Thị Ngọc H.

Buộc bị đơn bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền vay tính đến ngày 02/4/2026, gồm:

+ Nợ gốc: 600.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 131.013.699 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 35.917.808 đồng;

Tổng cộng: 738.801.651 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 03/4/2026 bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng N1, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân

hàng cho vay thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà H không trả nợ hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng N1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 được ký kết giữa bà H với Ngân hàng N1 – Chi nhánh B để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đồng thời nguyên đơn có quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H để thu hồi nợ được các bên tự nguyện thoả thuận theo khoản 3 Điều 2 của các các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024.

Kể từ ngày bà H thanh toán dứt nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ giấy tờ thế chấp theo hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714 – LCL – 202400111 ngày 23/01/2024 cho bà H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu án phí số tiền là 33.552.066đ (Ba mươi ba triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngân hàng N1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.910.000 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0007025 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5- AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Lữ Cẩm Nhung